

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27 /NQ-HĐND

An Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi ngân sách
địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG AN DƯƠNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường về việc thành lập, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 208-TB/ĐU ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân phường và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách phường năm 2026 cho từng cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Các nội dung khác không thay đổi, giữ nguyên theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường An Dương khoá II, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy (báo cáo);
- TT HĐND, UBND phường;
- Kho bạc Nhà nước khu vực III;
- BTT UBMTQ VN phường;
- Các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Văn phòng HĐND&UBND phường;
- Lưu: VT, HS ký họp. VL



CHỦ TỊCH

Bùi Thị Hồng Vân

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THỰC HIỆN TỔ CHỨC LẠI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi TX trước trừ tiết kiệm	Chi các hoạt động kinh tế	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	10% Tiết kiệm chi TX	Dự toán sau trừ tiết kiệm	Ghi chú
	Điều chỉnh dự toán	-	-	-	-	-	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	-4,427,830	-42,120	-4,385,710	-41,600	-4,386,230	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 25/12/2025
2	Phòng Kinh tế	3,617,114		3,617,114	29,600	3,587,514	
3	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	810,716	42,120	768,596	12,000	798,716	

58



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026 (SAU ĐIỀU CHỈNH)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước tiết kiệm	Chi An Ninh - Quốc Phòng		Chi Giáo dục - Đào tạo		Chi Khoa học và công nghệ	Chi Y tế - dân số	Chi Văn hóa - Thể thao	Chi phát thành - truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi Sự nghiệp kinh tế	Chi Quản lý nhà nước	Chi Đảm bảo - xã hội	Chi thường xuyên khác	10% Tiết kiệm chi TX	Dự toán sau trừ tiết kiệm
			An Ninh	Quốc Phòng	Giáo dục	Đào tạo - dạy nghề												
A	B		7		7					7		7			7		10	11=9-10
TỔNG CỘNG																		
A	DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUẤT CÁC SỐ, BAN NGÀNH, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC	366,157,000	5,664,000	4,860,000	213,924,000	995,000	390,000	10,255,000	2,063,000	500,000	555,000	6,462,000	7,144,000	57,211,000	54,312,000	1,822,000	6,269,000	359,888,000
I	Các Phòng, Ban, Đơn vị, Cơ quan	49,284,836	5,164,000	854,000					1,063,000		55,000		384,480	39,941,612	1,822,744		2,925,088	217,418,204
1	Văn phòng Đảng ủy	9,824,460	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,824,460	-	-	551,000	9,273,460
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	2,852,151	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,852,151	-	-	59,600	2,792,551
3	Văn phòng HĐND và UBND	24,807,697	5,164,000	854,000										18,789,697	-	-	354,800	24,452,897
4	Phòng Kinh tế	3,617,114	-	-	-	-	-	-				-		3,617,114	-	-	29,600	3,587,514
5	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	810,716	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42,120	768,596	-	-	12,000	798,716
6	Phòng Văn hóa - Xã hội	4,315,175	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,492,431	1,822,744	-	36,400	4,278,775
7	Trung tâm phục vụ hành chính công	1,597,163	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,597,163	-	-	35,200	1,561,963
8	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	1,460,360	-	-	-	-	-	-	1,063,000	-	55,000	-	342,360	-	-	-	35,000	1,425,360
II	Các đơn vị sự nghiệp giáo dục	171,058,456			170,363,456	695,000											1,811,488	169,246,968
I	Mầm non	53,145,089			53,145,089												693,726	52,451,363
1.1	Tân Tiến	7,268,743			7,268,743												93,585	7,175,158
1.2	Nam Sơn	7,454,994			7,454,994												96,424	7,358,570
1.3	Bắc Sơn	7,392,366			7,392,366												95,833	7,296,533
1.4	Lê Lợi	6,902,773			6,902,773												97,085	6,805,688
1.5	Đặng Cương	7,656,125			7,656,125												98,125	7,558,000
1.6	Quốc Tuấn	8,215,577			8,215,577												105,742	8,109,835
1.7	An Dương	8,254,511			8,254,511												106,932	8,147,579
2	Tiểu học	63,434,437			63,434,437												587,630	62,846,807
2.1	Tân Tiến	11,336,595			11,336,595												98,922	11,237,673
2.2	Nam Sơn	12,270,083			12,270,083												116,734	12,153,349
2.3	Bắc Sơn	8,176,302			8,176,302												72,552	8,103,750
2.4	Lê Lợi	5,590,123			5,590,123												44,640	5,545,483
2.5	Đặng Cương	10,074,156			10,074,156												114,212	9,959,944

STT	Nội dung	Dự toán trước trừ tiết kiệm	Chi An Ninh - Quốc Phòng		Chi Giáo dục - Đào tạo		Chi Khoa học và công nghệ	Chi Y tế - dân số	Chi Văn hóa - Thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi Sự nghiệp kinh tế	Chi Quản lý nhà nước	Chi Đảm bảo - xã hội	Chi thường xuyên khác	10% Tiết kiệm chi TX	Dự toán sau trừ tiết kiệm
			An Ninh	Quốc Phòng	Giáo dục	Đào tạo - dạy nghề												
2.6	Quốc Tuấn	5,927,857			5,927,857												48,285	5,879,572
2.7	An Dương	10,059,321			10,059,321												92,285	9,967,036
3	Trung học cơ sở	53,783,930	-	-	53,783,930	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	515,132	53,268,798
3.1	Tân Tiến	9,131,579			9,131,579												82,241	9,049,338
3.2	Nam Sơn	10,367,947			10,367,947												120,142	10,247,805
3.3	Bắc Sơn	6,631,380			6,631,380												63,264	6,568,116
3.4	Lê Lợi	5,513,778			5,513,778												51,249	5,462,529
3.5	Đặng Cương	6,234,140			6,234,140												58,977	6,175,163
3.6	Quốc Tuấn	5,314,604			5,314,604												41,356	5,273,248
3.7	An Dương	10,590,502			10,590,502												97,903	10,492,599
4	Trung tâm Chính trị	695,000	-	-	-	695,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000	680,000
B	DỰ TOÁN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ	145,813,708,000	500,000,000	4,006,000,000	43,560,544,000	300,000,000	390,000,000	10,255,000,000	1,000,000,000	500,000,000	500,000,000	6,462,000,000	6,759,520,000	17,269,388,000	52,489,256,000	1,822,000,000	3,343,912,000	142,469,796,000

9